

**TÊN BÀI VIẾT - HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI
ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ**

Hồ Thế Hà^{1*}, Nguyễn Trường Thọ²

¹ Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

² Phòng Khoa học Công nghệ - Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

*Email: tapchidhkh@hueuni.edu.vn

TÓM TẮT

Phần này nêu nội dung nghiên cứu và kết quả chính; được soạn bằng mã Unicode, font Palatino Linotype, dài không quá 200 từ, cỡ chữ 10, cách đều lề trái và phải 1 cm. Phần tóm tắt và từ khoá được viết bằng tiếng Việt và Anh. Phần tiếng Việt được đặt ở đầu bài báo và tiếng Anh được đặt ở cuối bài báo. Tài liệu tham khảo không được trích dẫn trong phần này.

Từ khóa: cỡ chữ 10, ít nhất 3, nhiều nhất 5 từ, theo thứ tự alphabet.

1. MỞ ĐẦU

Kể từ phần này trở đi, toàn bộ bài viết (bằng tiếng Việt) phải được soạn bằng Microsoft Word, khổ giấy A4, căn lề trái 3 cm, phải 3 cm, trên 3.5 cm, dưới 3.5 cm. Bài chỉ để 1 cột, dài không quá 10 trang kể cả bảng, hình và tài liệu tham khảo (TLTK). Các nội dung được soạn bằng mã Unicode, font chữ Palatino Linotype, cỡ chữ 11 – trừ phần tóm tắt, danh mục TLTK và mục quy định bên dưới. Áp dụng giãn cách dòng **At least 16 pt**, cách đoạn **6 pt** phía trên (Before) và **0 pt** phía dưới (After). Đối với dòng đầu tiên của mỗi đoạn, đặt chế độ thụt vào 1 tab bằng **1,27 cm**. Canh lề thẳng hai bên.

Trong phần “Mở đầu”, nêu tính cấp thiết hay lý do nghiên cứu, mục tiêu và phạm vi nghiên cứu; những vấn đề mà tác giả cần giải quyết. Trong phần này tác giả phải trích dẫn TLTK đầy đủ và trích dẫn theo đúng quy định như dưới đây.

Quy định về trích dẫn TLTK

Nên trích dẫn TLTK ngay sau các nội dung chi tiết, tránh trường hợp TLTK được trích dẫn ở ngay sau các tên đầu mục, tiểu mục của bài viết. Nếu tác giả lấy nguồn thông tin từ một tài liệu A, nhưng thông tin đó trong tài liệu A lại được trích dẫn từ tài liệu B khác, thì tác giả phải trích dẫn đồng thời cả hai nguồn TLTK.

Dùng chữ số Hy Lạp 1, 2, 3,... đặt trong ngoặc vuông để trích dẫn TLTK (chẳng hạn [1]), chú ý đặt trước dấu chấm câu nếu để ở cuối câu. Số thứ tự (1, 2, 3...) ở đây là số thứ tự TLTK được trích dẫn và cũng chính là số thứ tự của các TLTK trong danh mục TLTK ở cuối bài. Nếu trích dẫn 2 hoặc hơn 2 TLTK có số thứ tự không liên kề nhau, thì vẫn đặt các số vào trong ngoặc vuông và giữa chúng được phân tách bằng dấu “,” chẳng hạn [2, 3] hoặc [4, 5, 7]. Nếu nội dung được trích dẫn từ 3 TLTK trở lên với số thứ tự liên tiếp nhau thì cần đặt bên trong ngoặc vuông dấu “-” giữa hai số thứ tự nhỏ nhất và lớn nhất, chẳng hạn [8-10].

Tuỳ thuộc vào dạng TLTK là bài viết thuộc sách chuyên khảo, tạp chí đã xuất bản hoặc đăng trong kỷ yếu hội nghị, hội thảo, hoặc bằng sáng chế, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ... cách viết TLTK trong danh mục TLTK sẽ khác nhau và được quy định ở mục TÀI LIỆU THAM KHẢO trong phần cuối của hướng dẫn này.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phần này có thể đặt tên khác là “Thực nghiệm” hoặc “Vật liệu và phương pháp”. Phần này phải cung cấp đầy đủ các thông tin về phương pháp lý thuyết và thực nghiệm cũng như các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm, vật liệu, hoá chất, mẫu... được sử dụng trong nghiên cứu. Tác giả phải trình bày chính xác, đầy đủ và ngắn gọn các thông tin liên quan. Trong phần này tác giả phải trích dẫn TLTK đầy đủ và trích dẫn theo đúng quy định như đề cập ở trên.

2.1. Quy định về các từ viết tắt

Các từ viết tắt được sử dụng khi chúng được dùng tối thiểu 3 lần trong bài báo. Từ viết tắt phải được định nghĩa ngay khi chúng xuất hiện lần đầu tiên trong văn bản. Nếu một từ viết tắt đã được định nghĩa trong phần “Tóm tắt”, nó vẫn cần thiết được định nghĩa lại trong lần xuất hiện ngay sau đó. Đối với các từ viết tắt là các thuật ngữ chuyên môn thông dụng như SI, ac, dc, sin, cos, GDP, DNA; những chữ đã được phổ biến như tên các tổ chức quốc tế và quốc gia WHO, UNDP, USA,... tác giả không cần phải định nghĩa.

2.2. Các khuyến nghị khác

Sử dụng số “0” trước dấu thập phân: dùng “0,25” thay vì “,25”; Dùng “cm³” thay vì dùng “cc”; Khi biểu diễn đồng thời kích thước chiều dài và rộng của một đối tượng, tác giả cần sử dụng “1 m × 2 m” thay vì “1 × 2 m”. Khi biểu diễn một khoảng giá trị, tác giả nên viết “từ 5 đến 9” hoặc “5 – 9” thay vì “5 ~ 9” hoặc “5 ÷ 9”.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Phần này trình bày các kết quả qua các bảng số liệu và hình vẽ (so đồ, bản vẽ, đồ thị, bản đồ và biểu đồ). Các kết quả cần được biểu diễn một cách rõ ràng, có tính logic để làm rõ các nội dung nghiên cứu. Hình vẽ phải được thiết kế rõ ràng và dễ hiểu. Các tiêu đề và chú thích trên hình vẽ, bảng biểu cần ngắn gọn nhưng cung cấp đầy đủ thông tin liên quan.

Đi kèm các kết quả là thảo luận hay giải thích, biện minh và kết luận/nhận xét từ các kết quả nghiên cứu của tác giả (có thể so sánh/đối chiếu với các kết quả nghiên cứu trước đó). Trong phần này, cách trích dẫn TLTK vẫn tương tự như đề cập ở trên.

Phần này thông thường có nhiều nội dung, nên có thể được chia thành nhiều mục, mỗi mục có thể chia thành các tiểu mục. Đánh số mục bằng 2 chữ số (tức 3.1, 3.2,...) và in đậm. Tiểu mục được đánh số bằng 3 chữ số (tức là 3.1.1., 3.1.2,...) có cỡ chữ 11, font Palatino Linotype và được in thường. Trong phần này cần tuân thủ các quy định về công thức, đơn vị, hình vẽ và bảng biểu như dưới đây.

3.1. Quy định về công thức toán học

Các công thức toán học được soạn bằng Microsoft Equation Editor. Các kí hiệu trong công thức cần định nghĩa trước hoặc ngay phía sau của công thức. Lưu ý, các công thức giống nhau hoàn toàn chỉ được xuất hiện một lần trong văn bản. Trong đó, mỗi công thức được đánh dấu bằng số thứ tự xuất hiện của công thức đó. Số thứ tự này được đặt trong ngoặc đơn, vị trí của công thức được đặt lại ở giữa hàng như sau:

$$\int_0^{r_2} F(r, \varphi) dr d\varphi = [\sigma r_2 / (2\mu_0)] \quad (1)$$

Trong đó, $F(r, \varphi)$: hàm số....; r : bán kính.... (cm);...

$$X(\%) = (a \cdot 100) / m \quad (2)$$

Trong đó, $X(\%)$: hàm lượng chất trong mẫu; a : lượng chất (g); m : lượng mẫu (g)

3.2. Quy định về đơn vị

Tất cả các đơn vị đo đều được đặt sau con số và cách ra một ký tự trắng, trừ đơn vị phần trăm (%) và đơn vị nhiệt độ celsius (°C), chẳng hạn: 20 m, 125 mg/L, 12 kg, 150 người, 12 mA...; 20%, 30°C. Đối với đơn vị thể tích (lít, mililit...), nên ký hiệu bằng chữ in hoa (capital letter), để tránh nhầm với con số 1, chẳng hạn, nên biểu diễn là 2 mg/L; 5,0 mL; 3,2 L (không nên biểu diễn là 2 mg/l; 3,2 l...).

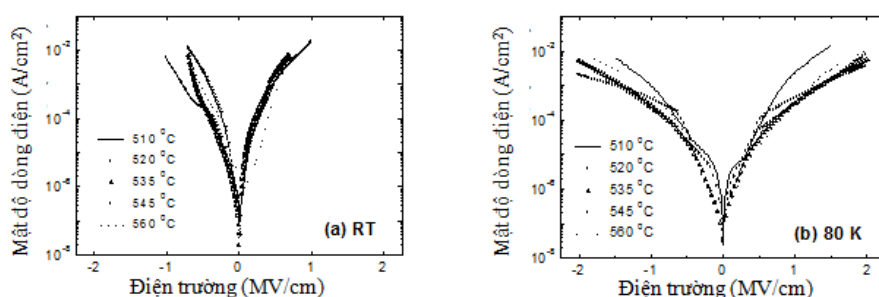
Tác giả cần tránh dùng kết hợp cả hai hệ đơn vị khác nhau trong cùng một bài báo, chẳng hạn dòng điện có đơn vị Ampe (A) trong hệ SI, nhưng từ trường lại có đơn vị Oersted (Oe) trong hệ CGS. Điều này sẽ dễ dẫn đến hiểu nhầm vì các hệ đơn vị khác nhau không thể nằm trong cùng một phương trình, ngoại trừ tác giả đã chuyển đổi đơn vị từ trước.

Đối với các đại lượng được xác định bằng tích số của hai hoặc nhiều đại lượng đo cơ bản trong hệ SI, chẳng hạn như thông lượng điện được tính bằng tích số của cường độ dòng điện I (A) và khoảng thời gian t (s) mà nó chảy qua một tiết diện. Khi đó, việc biểu diễn đơn vị của thông lượng cần sử dụng dấu chấm để tách biệt các đơn vị thành phần "A.s".

3.3. Quy định về hình vẽ, biểu bảng

3.3.1. Hình vẽ

Hình vẽ (bao gồm sơ đồ, bản vẽ, đồ thị, bản đồ và biểu đồ) được căn giữa; Xung quanh hình không có đường viền. Do bài viết chỉ được in đen trắng, nên các đường biểu diễn trong cùng một hình vẽ cần được phân biệt bằng các dạng đường khác nhau như trong hình 1. Nếu hình vẽ đã sẵn có màu sắc khác đen và trắng, tác giả cần chuyển sang chế độ màu Grayscale bằng cách click chuột phải để chọn Format Object $\rightarrow$ Picture $\rightarrow$ Color $\rightarrow$ Grayscale để tạo sự tương phản cho hình vẽ. Chú ý rằng, đối với các hình vẽ được cấu tạo bằng các Text box, việc áp dụng chuyển đổi theo cách trên sẽ không thực hiện được. Khi đó, cần format nội dung từng Text box theo màu sắc đen trắng. Nếu thao tác rườm rà hoặc không thực hiện được, có thể chuyển hình vẽ gốc sang file dạng ảnh, sau đó thực hiện chuyển sang chế độ màu Grayscale như đã nêu ở trên.



Hình 1. Đặc tính J-E của màng mỏng sắt điện PZT được chế tạo bằng phương pháp nung nhanh tại nhiệt độ 510, 520, 535, 545 và 560°C, được đo tại (a) nhiệt độ phòng và (b) 80 K.

Hình vẽ được đánh số thứ tự theo chữ số Hy Lạp, chẳng hạn Hình 1, Hình 2.... . Chữ Hình 1, Hình 2... được in nghiêng, đậm. Sau chữ **Hình 1**, **Hình 2**... là dấu chấm ngăn cách ".", rồi cách ra 1 ký tự, tiếp theo là tên hình, không nghiêng, cỡ chữ 10. Số

thứ tự và tên hình được đặt dưới hình và được canh giữa. Dưới hình là chú thích hình, ghi các điều kiện thí nghiệm, điều kiện đo hoặc thông tin mô tả chi tiết thêm về hình và được in nghiêng, cỡ chữ 10.

3.3.2. Bảng

Bảng được đánh số thứ tự theo chữ số Hy Lạp, chẳng hạn Bảng 1, Bảng 2... Chữ Bảng 1, Bảng 2... được in nghiêng, đậm. Sau chữ ***Bảng 1, Bảng 2...*** là dấu chấm ngăn cách ".", rồi cách ra 1 ký tự, tiếp theo là tên bảng, không nghiêng, cỡ chữ 10. Số thứ tự và tên bảng được đặt trên bảng và được căn giữa. Dưới bảng là chú thích của bảng (cỡ chữ 10, in nghiêng), ghi các điều kiện thí nghiệm, điều kiện đo hoặc thông tin mô tả chi tiết thêm về bảng.

Bảng 1. Chi tiêu tuyển sinh đầu vào một số ngành ở trường ĐHKH Huế năm 2014*

TT	Ngành học	Mã ngành	Khối thi	Chi tiêu
1	Vật lý học	440102	A	60
2	Công nghệ thông tin	480250	A	250
3	Hoá học	440112	A và B	70
4	Kiến trúc	580102	V*	180

* Môn Toán có hệ số 1,5; Vật lý: 1,0; Văn nghệ thuật: 1,5 trong đó tỷ lệ Văn MT1/Văn MT2 là 6/4.

Giữa tên bảng và bảng cách nhau 6 pt. Chú thích của bảng (nếu có) được đặt sát ở phía dưới bảng, Giữa chú thích và bảng cách nhau 6 pt, cỡ chữ 10 và in nghiêng. Bảng chỉ kẻ các đường trên và dưới bảng (1,5 pt) và đường dưới hàng tiêu đề (1 pt). Khoảng cách các hàng trong bảng là dòng đơn (single), ví dụ như ở Bảng 1.

4. KẾT LUẬN

Phần này đưa ra những kết luận và đánh giá chung từ kết quả nghiên cứu, nêu ra các hạn chế của nghiên cứu và những định hướng nghiên cứu tiếp theo. Định dạng văn bản như các phần trên.

LỜI CẢM ƠN

Phần này có thể có hoặc không và thường chỉ ngắn gọn trong 2-3 dòng. Nếu có, là lời cảm ơn hoặc thông tin các tổ chức, đơn vị đã tài trợ kinh phí, tạo điều kiện cho nghiên cứu; các cá nhân đã hỗ trợ nghiên cứu. Định dạng văn bản như các phần trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Định dạng đối với sách chuyên khảo:

- [1]. Tên tác giả (năm xuất bản). “Tiêu đề của chương được trích dẫn” (nếu sách có nhiều chương lớn), *Tên Sách, lần xuất bản*, Nhà xuất bản, tr. xxx-xxx.

Ví dụ:

- [2]. Lương Duyên Bình (2010). “Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động học,” *Vật lý Đại cương, x.b.17, tập 1*, NXB Giáo dục, tr. 200-225.

Định dạng đối với các bài thuộc tạp chí:

- [3]. Tên tác giả (năm xuất bản). Tên bài báo, *Tên tạp chí*, Tập, số, tr. xxx-xxx.

Ví dụ:

- [4]. E. P. Wigner (1965). Theory of traveling-wave optical laser, *Phys. Rev.*, Vol. 134, pp. A635–A646.
- [5]. Hồ Đức Tâm Linh, Ngô Văn Phú, và Đặng Xuân Vinh (2014). Tìm hiểu kỹ thuật đảo ngược thời gian và phân tích dung lượng kênh trong hệ thống MIMO-UWB, *Tạp chí KH và CN – Trường Đại học Khoa học Huế*, Tập 1, số 1, tr. 1-10.

Định dạng đối với sách online cho phép sử dụng:

- [6]. Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên sách*, lần xuất bản, tr.xxx – xxx, Website: tên đường dẫn

Ví dụ:

- [7]. J. Jones (1991). *Networks*, 2nd ed., pp. 120 – 129, Website: <http://www.atm.com>.

Định dạng đối với tạp chí online:

- [8]. Tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề bài báo, *Tên tạp chí viết tắt* [Online], Tập, số, tr. xxx-xxx, Website: tên đường dẫn.

Ví dụ:

- [9]. R. J. Vidmar (1992). On the use of atmospheric plasmas as electromagnetic reflectors, *IEEE Trans. Plasma Sci.* [Online], Vol. 21, pp. 876–880, Website: <http://www.halcyon.com/pub/journals/21ps03-vidmar>

Định dạng đối với bài trong kỷ yếu hội thảo/hội nghị đã được xuất bản:

- [10]. Tên tác giả (năm). Tiêu đề bài báo, *Kỷ yếu Tên hội thảo/hội nghị*, Thành phố tổ chức hội thảo, Tập xxxx, tr. xxx - xxx.

Ví dụ:

- [11]. N. T. Tho, T. Kanashima, and M. Okuyama (2010). Leakage Current Reduction and Ferroelectric Property of BiFe_{1-x}Co_xO₃ Thin Films Prepared by Chemical Solution Deposition Using Rapid Thermal Annealing, *Proc. Mat. Res. Soc. Boston*, Vol. 1199, pp. 1199-F06-19.

Định dạng bằng phát minh sáng chế:

[12]. Tên tác giả (năm cấp bằng sáng chế). “Tên bằng sáng chế”, Số hiệu bằng sáng chế.

Ví dụ:

[13]. G. Brandli, and M. Dick (1978). “Alternating current fed power supply”, U.S. Patent 4 084 217.

Định dạng đối với luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ:

[14]. Tên tác giả (năm tốt nghiệp). “Tiêu đề luận văn”, Luận văn Thạc sĩ, Tên Chuyên ngành, Tên Trường, Thành phố, Quốc gia (nếu là Việt Nam thì không cần).

[15]. Tên tác giả (năm tốt nghiệp). “Tiêu đề luận án,” Luận án Tiến sĩ, Tên Chuyên ngành, Tên Trường, Thành phố, Quốc gia (nếu là Việt Nam thì không cần).

Ví dụ:

[16]. Võ Ngọc Anh (2004). “Nghiên cứu đặc điểm dị thường phóng xạ phục vụ dự báo tài nguyên sa khoáng titan và đánh giá ảnh hưởng của môi trường phóng xạ đối ven biển Trung Trung Bộ”, Luận án Tiến sĩ, Chuyên ngành Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[17]. Lê Duy Đạt (2013). “Đánh giá sự biến đổi môi trường địa chất do khai thác sa khoáng titan ven biển tỉnh Bình Định và đề xuất giải pháp giảm thiểu”, Luận văn Thạc sĩ, Chuyên ngành Địa chất, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

[18]. J. O. Williams (1993), “Narrow-band analyzer”, Ph.D. dissertation, Dept. Elect. Eng., Harvard Univ., Cambridge, MA, USA.

[19]. N. Kawasaki (1993), “Parametric study of thermal and chemical nonequilibrium nozzle flow”, M.S. thesis, Dept. Electron. Eng., Osaka Univ., Osaka, Japan.

INSTRUCTIONS OF MANUSCRIPT PREPARATION TO HUSC’S JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY IN ISSUES OF NATURAL SCIENCE AND TECHNOLOGY

Ho The Ha^{1*}, Nguyen Trung Tho²

¹ Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

² Office for Science Technology and International Relations,
University of Sciences, Hue University

*Email: tapchidhkh@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

This section introduces briefly research contents and the main results which is are edited using Unicode, Palatino Linotype font with a maximum length of 200 words, 10-pt size of text, italics, and indentations of 1 cm from left and right

Hướng dẫn viết bài đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế

margins. The abstract and keywords are written in Vietnamese and English. These Vietnamese sections are placed at the top of the manuscript whereas On the other hand, these the English sections are placed at the end of the manuscript. Do not cite references in the abstract.

Keywords: 10-pt font size, in alphabetical order, least 3, max 5 words.

GHI CHÚ:

Sau khi bài viết đã được Hội đồng biên tập chọn đăng, đề nghị tác giả cung cấp 1 file ảnh chân dung và một số thông tin lý lịch ngắn gọn bằng tiếng Việt, bao gồm: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, chức danh, chức vụ, sơ lược quá trình học tập và công tác (những mốc thời gian chính, năm và nơi cấp học hàm, học vị, ...), lĩnh vực nghiên cứu và thành tích...

Những thông tin về tác giả sẽ được in vào cuối mỗi bài viết.